

bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu (Webform trên Hệ thống)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1		
2		
3		
...		

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1	Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ	
	Nêu được tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ	Đạt
	Không nêu được hoặc nêu sơ sài, không phù hợp với gói thầu	Không đạt
2	Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc	

TT	Nội dung đánh giá	Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	Am hiểu và trình bày đầy đủ về mục đích, mục tiêu, phạm vi, tính chất và kết quả cần đạt nêu trong điều khoản tham chiếu	Đạt
	Không/Chưa am hiểu và chưa thể hiện đầy đủ về mục đích, mục tiêu, phạm vi, tính chất và kết quả cần đạt nêu trong điều khoản tham chiếu	Không đạt
3	Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ	
	Có đưa ra kế hoạch triển khai các nhiệm vụ một cách khoa học, hợp lý, phân công công việc cho các nhân sự và trình bày một cách rõ ràng chi tiết về từng mốc thời gian cho từng công việc thuộc nhiệm vụ.	Đạt
	Không trình bày hoặc trình bày sơ sài hoặc thiếu nội dung cơ bản, kế hoạch triển khai không hợp lý.	Không đạt
4	Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện	
	Có biện pháp/hệ thống đảm bảo chất lượng và nêu cụ thể được phương pháp thực hiện nhằm đảm bảo tiến độ và chất lượng của từng hạng mục và tổng thể dự án.	Đạt
	Không có biện pháp/hệ thống đảm bảo chất lượng hoặc có nhưng không có tính khả thi.	Không đạt
5	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ	
	Đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc chỉ đáp ứng một phần về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ.	Không đạt
6	Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	
	Có bảng tiến độ chi tiết cho từng công việc và có tiến độ tổng thể thực hiện gói thầu ≤ 40 ngày.	Đạt
	Không có bảng tiến độ chi tiết cho từng công việc hoặc bảng tiến độ tổng thể thực hiện gói thầu > 40 ngày.	Không đạt
7	Thông tin minh chứng về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	
7.1	Không vi phạm các quy định của Luật Đấu thầu quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP Đính kèm tài liệu minh chứng: Bản cam kết Không vi phạm các quy định của Luật Đấu thầu quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP đối với hợp đồng tương tự	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
7.2	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng về tiến độ, chất lượng dịch vụ theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	
7.2.1	Xác nhận của Chủ đầu tư về các hợp đồng tương tự minh chứng kết quả nhà thầu hoàn thành hợp đồng đúng tiến độ, chất lượng	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
7.2.2	Đã hoàn thành 02 hợp đồng tư vấn sản phẩm OCOP đề xuất 5 sao cấp Quốc gia. (Đính kèm tài liệu chứng minh gồm: Hợp đồng cung cấp dịch vụ; biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hợp đồng; Xác nhận của Chủ đầu tư và quyết định công nhận sản phẩm 5 sao cấp Quốc gia).	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
7.2.3	Tham gia làm thành viên của ít nhất 03 Hội đồng đánh giá cấp tỉnh hoặc có ít nhất 03 hợp đồng tư vấn Hội đồng đánh giá cấp tỉnh (Đính kèm tài liệu chứng minh: Hợp đồng tư vấn và biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý đối với việc tham gia hợp đồng tư vấn, Xác nhận của chủ đầu tư hoặc Quyết định thành lập hội đồng hoặc Quyết định kiện toàn hội đồng đối với việc tham gia hội đồng hoặc Giấy mời họp hội đồng kèm theo)	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
7.2.4	Có ít nhất 02 hợp đồng tư vấn xây dựng Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP cấp tỉnh (Đính kèm tài liệu chứng minh: Hợp đồng tư vấn; Biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý)	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 4.2. Phương pháp giá đánh giá.